

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-PT

Ngày 18-5-2021

V/v tranh chấp chia tài sản sau
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Oanh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng
Ông Bùi Văn Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2021/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng
3 năm 2021 về Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2020/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 12 năm
2020 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2021/QĐPT-
HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Diễm A, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà xx, ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Bùi Thanh S, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà xx, ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Bị đơn Bùi Thanh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Đặng Thị Diễm A trình bày:

Chị A và anh S là vợ chồng, đã ly hôn theo Bản án số 21/2019/HNGĐ-ST
ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện C. Về tài sản chung của vợ chồng
chưa chia, do trong quá trình giải quyết ly hôn anh S vắng mặt. Nay chị A yêu

cầu chia tài sản chung thừa đất 637, diện tích 98m², tờ bản đồ 2a, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Bùi Thanh S đứng tên ngày 19/5/2004 và căn nhà cấp 4 gắn liền với đất, hiện anh S đang quản lý, sử dụng.

Qua định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện C, nhà, đất trị giá 100.000.000 đồng. Chị A yêu cầu chia đôi tài sản, yêu cầu được nhận hiện vật, được quyền quản lý, sử dụng nhà, đất, đồng ý trả giá trị chênh lệch tài sản cho anh S 50.000.000 đồng.

Chị A không đồng ý phương án chia đôi tài sản là mỗi người quản lý, sử dụng ½ nhà, đất. Thống nhất trị giá tài sản theo Biên bản định giá tài sản ngày 04/8/2020, không yêu cầu định giá lại. Ngoài ra, các tài sản, vật dụng sử dụng trong sinh hoạt gia đình, chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Thanh S trình bày:

Anh S thống nhất trình bày của chị A, xác định nhà, đất trên là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân chưa chia. Nay anh S đồng ý chia đôi tài sản. Tuy nhiên, anh S không đồng ý giao nhà, đất cho chị A quản lý, sử dụng. Anh S yêu cầu quản lý, sử dụng nhà, đất, đồng ý trả giá trị chênh lệch tài sản cho chị A 50.000.000 đồng.

Anh S thống nhất trị giá tài sản theo Biên bản định giá tài sản ngày 04/8/2020, không yêu cầu định giá lại. Ngoài ra, anh S không có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản nào khác.

Tại Bản án sơ thẩm số 44/2020/HNGĐ-ST ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Diễm A.

1. Chị Đặng Thị Diễm A được quyền quản lý, sử dụng thừa đất 637, tờ bản đồ 2a, diện tích đo đạc thực tế 100m², thể hiện tại các mốc M1-M2-M3-M4-M5-M6-M7-M8-M1, theo Sơ đồ đo đạc ngày 25/9/2020 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (đôi chiếu thừa mới theo bản đồ lưới tọa độ là thửa 47, tờ bản đồ 28, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Bùi Thanh S, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/5/2004); căn nhà cấp 4 trên đất (theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; Biên bản định giá tài sản cùng ngày 04/8/2020).

(Có Sơ đồ đo đạc; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; Biên bản định giá tài sản, kèm theo).

2. Buộc chị Đặng Thị Diễm A đền bù chênh lệch tài sản cho anh Bùi Thanh

S số tiền 50.000.000 đồng.

3. Buộc anh Bùi Thanh S di dời tài sản cá nhân giao toàn bộ căn nhà và thửa đất trên cho chị Đặng Thị Diễm A quản lý, sử dụng.

4. Chị Đặng Thị Diễm A có quyền, nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá, lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 12/01/2021 anh Bùi Thanh S có đơn kháng cáo yêu cầu định giá lại nhà và đất, đồng thời yêu cầu được nhận nhà, đất diện tích đất 100m² thuộc thửa số 637, tờ bản đồ 2a, tại ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và đồng ý trả giá trị nhà, đất cho chị A theo kết quả định giá lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Đặng Thị Diễm A và anh Bùi Thanh S cùng thống nhất thỏa thuận nội dung như sau: Thống nhất giá trị nhà và đất là 300.000.000 đồng. Chị A đồng ý giao cho anh S được nhận quyền sử dụng đất diện tích 100m², thửa 637, tờ bản đồ 2a và quyền sở hữu căn nhà gắn liền với đất. Anh S có trách nhiệm chia cho chị A được sở hữu ½ giá trị nhà và đất số tiền 150.000.000 đồng. Anh S chịu toàn bộ chi phí định giá lại tài sản theo quy định.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục tại phiên tòa. Người tham gia tố tụng chấp hành và thực hiện đúng quyền lợi, nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa theo quy định tại Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh S kháng cáo đúng thời hạn nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa, chị A và anh S thống nhất giá nhà, đất tổng cộng là 300.000.000 đồng, hai bên đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án: Anh S nhận nhà, đất và đồng ý trả ½ giá trị nhà và đất số tiền 150.000.000 đồng cho chị A. Chị A đồng ý nhận ½ giá trị nhà, đất số tiền 150.000.000 đồng và anh S nhận nhà và đất. Việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên chấp nhận. Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều

308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Về án phí phúc thẩm đề nghị tuyên theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của anh S làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đầy đủ người tham gia tố tụng, thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, chị A và anh S thỏa thuận thống nhất giải quyết vụ án như sau: Về giá trị tài sản tranh chấp diện tích đất đo đạc thực tế 100m², thửa 637, tờ bản đồ 2a và căn nhà, vật kiến trúc khác gắn liền với đất tổng cộng là 300.000.000 đồng. Anh S được nhận hiện vật nhà, đất, vật kiến trúc khác gắn liền với đất và có trách nhiệm trả cho chị A ½ giá trị tài sản số tiền 150.000.000 đồng. Việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của chị A, anh S, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị A, anh S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên anh S phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[5] Án phí định giá lại tài sản: Anh S tự nguyện chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của chị Đặng Thị Diễm A và anh Bùi Thanh S. Sửa bản án sơ thẩm số 44/2020/HNGĐ-ST ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện C.

1. Anh Bùi Thanh S được quyền sử dụng thửa đất 637, tờ bản đồ 2a, diện tích đo đạc thực tế 100m², (đối chiếu bản đồ lưới tọa độ thửa 47, tờ bản đồ 28) do Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Bùi Thanh S đứng tên ngày 19/5/2004 và quyền sở hữu căn nhà (kết cấu nhà chính vách tường, cột bê tông cốt thép, nền gạch ceramic, mái tole sóng vuông), vật kiến trúc khác gắn liền với đất tại thửa 637 trong phạm vi các mốc M1 - M2 - M3 - M4 - M5 - M6 - M7 - M8 - M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 25/9/2020 của A nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; Biên bản định giá tài sản cùng ngày 04/8/2020. Hiện nay anh S đang quản lý, sử dụng nhà, đất và vật kiến trúc gắn liền với đất.

Kèm theo Sơ đồ đo đạc ngày 25/9/2020; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản cùng ngày 04/8/2020.

Anh Bùi Thanh S có quyền, nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Anh Bùi Thanh S có trách nhiệm trả cho chị Đặng Thị Diễm A ½ giá trị tài sản số tiền 150.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

3.1. Chị Đặng Thị Diễm A phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.500.000 đồng chị A đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0002777, ngày 15/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị A còn phải nộp số tiền 5.000.000 đồng.

3.2. Anh Bùi Thanh S phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000

đồng anh S đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0011827 ngày 12/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh S còn phải nộp số tiền 7.500.000 đồng.

4. Về Chi phí tố tụng khác:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá là 2.838.000 đồng: Chị Đặng Thị Diễm A phải chịu 1.419.000 đồng, anh Bùi Thanh S phải chịu 1.419.000 đồng. Chị Đặng Thị Diễm A đã nộp tạm ứng và chi xong số tiền 1.419.000 đồng. Buộc anh Bùi Thanh S phải trả lại cho chị Đặng Thị Diễm A số tiền 1.419.000 đồng.

Anh Bùi Thanh S tự nguyện chịu A phí định giá lại tài sản số tiền 2.300.000 đồng (anh S đã nộp tạm ứng và chi xong).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Phòng GDKTNV-THA;
- Lưu: VT, HS (N)

(Đã ký)

Huỳnh Kim Oanh